

Bản án số: 109/2018/HS-ST

Ngày: 14 - 11 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Mai Đức Danh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2018/TLST – HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST – HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Trọng D (Tên gọi khác: DB)– Sinh ngày 10/6/1987; Nơi ĐKHKTT: Xã Q, Thành Phố Th, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, Thành Phố Th; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Trần Trọng H – Sinh năm 1963 và con bà: Nguyễn Thị Q – Sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Tại Bản án số 109/2006/HSPT ngày 05/10/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại Bản án số 07/2009/HSST ngày 20/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”;

- Tại Bản án số 47/2014/HSST ngày 26/11/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Sầm S xử phạt 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”;

Nhân thân:

- Năm 2011 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm 05 - 06 Thanh Hóa.

- Ngày 29/10/2018 bị Tòa án nhân dân Thành Phố Thanh Hóa xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đang bị giam theo quyết định tạm giam số 211/2018/HSST- QĐTG của TAND Thành Phố Thanh Hóa.

2. Đặng Quang Đ - Sinh ngày 10/02/1973; Nơi ĐKNKTT: Xã Q1, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn Ng2, xã Q1, huyện Q; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Đặng Quang L, sinh năm 1940 (*Đã chết*) và con bà: Lê Thị Tr, sinh năm 1942 (*Đã chết*); Có vợ: Lê Thị T - sinh năm 1979 (*Đã ly hôn*); Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 04/2010/HSST ngày 27/01/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Tính đến ngày 24/01/2015 Đặng Quang Đ đã chấp hành xong hình phạt tù; ngày 27/01/2010 Đ đã nộp xong phần án phí Hình sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Ngày 21/8/2018 bị Cơ quan CSĐT công an huyện Quảng Xương Quyết định khởi tố bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy ” theo Điều 251 BLHS.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Lệnh tạm giam số 26/CSĐT ngày 21/8/2018 của cơ quan CSĐT công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị hại:**

1. Nguyễn Văn S – Sinh năm: 1994

Quê quán: Xóm Đ, xã Gi, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

Hiện trú tại: Khu nhà trọ Công ty VIECC

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Ngô Thị T – Sinh năm : 1984 (vợ)

Anh Vi Văn T - Sinh năm : 1988 (chồng)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã Th, huyện Nh, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đều trú tại: Khu nhà trọ Công ty VIECC

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

* Người có quyền lợi liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm : 1970

Trú tại: Thôn Tr1, xã Tr, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

2. Chị Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1954

Trú tại: Thôn 9, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

* Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Tiến S - Sinh năm : 1992

Trú tại : Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Đặng Ngọc H - Sinh năm : 1980

Trú tại : Thôn 1, xã Q2, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trọng D và Đặng Quang Đ là hai đối tượng có mối quan hệ xã hội với nhau. Trong khoảng thời gian cuối tháng 3 năm 2018 D đến xin ở nhờ nhà Đ tại thôn Ngọc Trà 2, Xã Q1, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vì đang sống một mình và ngôi nhà ít sử dụng đến nên Đ đồng ý, còn Đ chủ yếu ở tại quán café của một người bạn ở thôn H, xã Q3, huyện Q. Ban ngày D ở trong nhà, buổi tối Đ thường về đón D đi chơi, ăn cơm... Trong thời gian ở nhà Đ, D lấy một chiếc tu vít của Đ chế thành một chiếc vạm phá khóa với mục đích chờ cơ hội đi trộm cắp xe mô tô.

Khoảng 22h00' ngày 01/4/2018, khi ngồi uống nước với Đ tại quán café Đ làm ở thôn H, xã Q3, huyện Q, D nói với Đ: “*Khoảng gần sáng anh có chỗ nào trộm cắp không em với anh đi kiếm gì tiêu?*”, Đ nghe D nói xong thì đồng ý. Sau đó D quay ra quán Internet chơi còn Đ ngủ lại tại quán café. Đến khoảng 04h00' sáng ngày 02/4/2018 như đã hẹn, Đ điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha màu xanh đen đã cũ, lắp BKS 34B2 - 732.89, phần chắn bùn bánh xe trước có lắp một hộp nhựa bên trong có bóng đèn led được đấu với ác quy xe máy (*chiếc xe này là xe của Đ mua lại để sử dụng hàng ngày*) đi đến quán Internet đón D. Đ điều khiển xe còn D ngồi phía sau đi về nhà Đ lấy dụng cụ, D cầm theo 01 chiếc vạm phá khóa đã chuẩn bị từ trước, còn Đ cầm theo 01 chiếc đèn pin rồi đi theo QL1A vào huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Đến khoảng 06h30 cùng ngày Đ và D đi đến khu vực nhà máy Lọc hóa dầu Nghi S rồi đi lượn xung quanh tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản. Sau đó Đ và D đi vào một ngõ nhỏ ngay cạnh khu vực ngã ba đèn xanh, đèn đỏ khoảng 200m.

Quan sát thấy phía bên trái có một khu nhà trọ công nhân được xây theo hình chữ L cửa cổng không khóa, phía trước sân có dựng rất nhiều xe mô tô không có người trông coi (đây là khu nhà trọ của công ty VIECC thuộc thôn T, xã M, huyện T) Đ điều khiển xe vào trong sân khu nhà trọ rồi dừng lại trước một phòng đối diện cổng chính. Lúc này Đ ngồi lại trên xe còn D xuống xe đi lại dây phơi quần áo lấy một bộ quần áo công nhân màu xanh nhạt mặc vào rồi nói với Đ: “Anh thích chiếc xe nào thì dắt ra em phá khóa cho”. Đ chọn một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00 (Chiếc xe này của anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, ở xóm Đ, xã Gi, huyện Đ - Nghệ An, hiện đang ở khu nhà trọ của công ty VIECC) dựng bên cạnh dắt ra ngoài sân. D đi lại dùng vạm mở phá khóa điện chiếc xe cho Đ dắt ra ngoài cổng đứng chờ, còn D tiếp tục dùng vạm phá khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57 (Chiếc xe này thuộc sở hữu của chị Ngô Thị T, sinh năm 1985, cư trú tại thôn T, xã Th, huyện Nh là vợ của anh Vi Văn T, sinh năm 1988, ở Th, A, Nghệ An, hiện đang ở khu nhà trọ của công ty VIECC) rồi nổ máy chạy xe ra ngoài cổng nơi Đ đang đứng chờ. Khi đó D nhìn thấy trên xe Honda Wave màu trắng có một chiếc ba lô công nhân màu đen nên lấy kiểm tra bên trong thì thấy có một chiếc mũ bảo hiểm nên D đã đội mũ bảo hiểm và đeo chiếc ba lô vào cho giống công nhân để mọi người không để ý.

D và Đ dắt lại chiếc xe mô tô kiểu dáng xe Wave màu xanh đen, lắp BKS 34B2 - 732.89 của Đ lại, sau đó D điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57 chạy phía trước, Đ điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, BKS: 37D1 - 722.00 chạy phía sau ra khỏi khu nhà trọ, D chạy lên cầu vượt rồi vòng ra QL1A đi về phía Nghệ An, còn Đ đi phía sau không theo kịp D nên chạy xe về quán café ở thôn H, xã Q3, huyện Q cất dấu. Khi D đi đến đoạn QL1A thuộc xã Tr, huyện T (Gần trạm soát vé Hoàng Mai) thì dừng xe lại vứt bỏ chiếc ba lô và chiếc vạm phá khóa bên lề đường rồi tiếp tục đi vào Bệnh viện thị xã H, tỉnh Nghệ An gửi chiếc xe Yamaha BKS: 36B5 - 660.57 rồi bắt xe đi về nhà Đạo.

Đến khoảng 21h00' cùng ngày D về đến quán café gặp Đ, trong khi ngồi uống nước D nói với Đ về việc ngày mai mang chiếc xe HondaWave BKS: 37D1 - 722.00 đi lên N bán cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 ở thôn Tr, xã Tr, huyện N. Do D đã hẹn với anh H từ trước nên buổi sáng ngày 03/4/2018 D và Đ đi chiếc xe HondaWave BKS: 37D1 - 722.00 lên khu vực cầu Ngọc Lẫm thuộc xã Tr, huyện N gặp anh H và bán chiếc xe với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nhưng do D đưa ra lý do là xe đang chuyển vùng chưa lấy được giấy tờ xe nên anh H đưa trước cho D 3.000.000đ (Ba triệu đồng) khi nào nhận giấy tờ xe sẽ giao tiền đầy đủ. Với số tiền bán xe có được 3.000.000đ (Ba triệu đồng) D và Đ

đã chia nhau tiêu xài hết. Đến chiều cùng ngày D rủ Đ đi vào thị xã H lấy chiếc xe đang gửi trong bệnh viện đem đi bán nhưng khi vào đến nơi do trời đã tối nên D bảo Đ sáng mai sẽ đi. Lúc này D để Đ ở lại quán café gần cổng bệnh viện còn D đi chơi với bạn gái, sau đó Đ đã bắt xe quay về thôn H, xã Q3, huyện Q. Đến khoảng 08h00' ngày 04/4/2018 D đi vào nhà xe Bệnh viện thị xã Hoàng Mai lấy chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57 đem bán cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954 ở Thôn 9, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An với giá 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*), bán xe xong D cầm tiền đi chơi và không quay về gặp Đ.

Tại bản kết luận định giá số 52/KLĐGTS ngày 14/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tĩnh Gia đã xác định: 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha màu S trắng đen bạc, BKS: 37D1 – 722.00 sử dụng từ tháng 02/2016, giá trị còn lại là 13.694.000đ (Mười ba triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng); 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu S xanh đen, BKS: 36B5- 660.57 sử dụng từ tháng 02/2017, giá trị còn lại là 17.418.000đ 9 Mười bảy triệu, bốn trăm mười tám triệu đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản của 02 chiếc xe máy nêu trên theo kết quả định giá là 31.112.000đ (Ba mươi một triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Về vật chứng:

Ngày 02/4/2018 anh Vi Văn T giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha, màu xanh đen đã cũ, lắp BKS 34B2 - 732.89 phần chắn bùn bánh xe trước có lắp một hộp nhựa bên trong có bóng đèn led được đấu với ác quy xe máy; ngày 27/4/2018 bà Nguyễn Thị Q giao nộp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57; ngày 18/5/2018 anh Nguyễn Văn H giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00;

Đối với chiếc Vam phá khóa tự chế làm bằng kim loại và 01 chiếc ba lô màu đen đã qua sử dụng, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Ngày 05/6/2018 Cơ quan CSĐT Công An huyện Tĩnh Gia quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: Trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn S 01 chiếc xe máy Honda Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00; trả lại cho chị Ngô Thị T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57. Anh S và chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave an pha, màu xanh đen đã cũ, lắp BKS 34B2 - 732.89 phần chắn bùn bánh xe trước có lắp một hộp nhựa bên trong có bóng đèn led được đấu với ác quy xe máy đã được nhập kho thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia để quy trữ theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua 02 chiếc xe máy nêu trên của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Q. Khi mua xe bản thân anh H và chị Q không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng:

- Điểm g Khoản 2 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Trọng D;

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Quang Đ;

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với các bị cáo cụ thể:

+ Trần Trọng D từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Đặng Quang Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Cơ quan CSĐT Công An huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho anh Nguyễn Văn S 01 chiếc xe máy Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00 và trả lại cho chị Ngô Thị T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57. Cả anh S và chị T đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Đối với anh Nguyễn Văn H mua 01 xe máy Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00 với giá 3.000.000đ. Chị Nguyễn Thị Q mua 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57 với giá 2.700.000đ. Khi mua xe bản thân anh H và chị Q không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm. Sau khi biết tài sản mình mua là tài sản trộm cắp thì cả anh H và chị Q đều tự nguyện đem xe đến cơ quan CSĐT Công An huyện Tĩnh Gia để giao nộp và đều có nguyện vọng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mua xe đã trả cho các bị cáo. Do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Đề nghị tuyên tịch thu bán sung quỹ Nhà Nước 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha, màu xanh đen đã cũ, lắp BKS 34B2 - 732.89 phần chấn bunn bánh xe trước có lắp một hộp nhựa bên trong có bóng đèn led được đấu với ác quy xe máy (xe không có giấy tờ) là xe của Đặng Quang Đ vì đây là phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội.

+ Đề nghị tiếp tục truy thu số tiền do phạm tội của các bị cáo cụ thể: Trần Trọng D 4.200.000đ và Đặng Quang Đ 1.500.000đ

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;
- Trách nhiệm chịu án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay các bị cáo Trần Trọng D và Đặng Quang Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Trần Trọng D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Đặng Quang Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song, do lười biếng, muốn hưởng thụ mà lại không chịu lao động nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 31.112.000đ (Ba mươi một triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng hành vi của các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau. Vì vậy việc quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo và áp dụng Điều 58 BLHS để đánh giá hành vi phạm tội và xem xét khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

*Đối với bị cáo Trần Trọng D: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, năm 2011 bị cáo đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại trung tâm 05-06 Thanh Hóa. Trần Trọng D có 2 tiền án và 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; 01 tiền án về tội “Cướp tài sản”. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo và tu dưỡng mình mà lần này bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Trong vụ án này bị cáo lại là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, chuẩn bị công cụ phạm tội, cũng là người trực tiếp phá khóa các xe máy trộm cắp và là người đem tài sản đi bán lấy tiền tiêu xài, số tiền bán tài sản bị cáo là người sử dụng nhiều hơn so với Đ. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, cố tình không chịu rèn luyện, cải sửa để trở thành con người tốt. Bị cáo bị truy tố với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm”. Với nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tính đến thời điểm xét xử thì bản án số 262/2018/HSST ngày 29/10/2018 của TAND Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa chưa có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không tổng hợp hai bản án mà để khi nào án có hiệu lực sẽ tổng hợp 2 bản án theo quy định của pháp luật.

*Đối với Đặng Quang Đ thì bị cáo có nhân thân xấu đó là: Tại Bản án số 04/2010/HSST ngày 27/01/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Đến ngày 21/8/2018 bị cáo bị Cơ quan CSĐT công an huyện Quảng Xương khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 BLHS, hiện nay Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương chưa xét xử. Nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, cố tình không chịu rèn luyện, cải sửa để trở thành con người tốt. Tại phiên Tòa bị cáo thừa nhận bị nghiện ma túy từ năm 2007 cho đến nay, do đó nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét đó là quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Cơ quan CSĐT Công An huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho anh Nguyễn Văn S 01 chiếc xe máy Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00 và trả lại cho chị Ngô Thị T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57. Cả anh S và chị T đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

+ Đối với anh Nguyễn Văn H mua 01 xe máy Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00 với giá 3.000.000đ. Chị Nguyễn Thị Q mua 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57 với giá 2.700.000đ. Khi mua xe bản thân anh H và chị Q không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm. Sau khi biết tài sản mình mua là tài sản trộm cắp thì cả anh H và chị Q đều tự nguyện đem xe đến cơ quan CSĐT Công An huyện Tĩnh Gia để giao nộp và đều có nguyện vọng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mua xe đã trả cho các bị cáo. Do đó HĐXX không xem xét.

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà Nước 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha, màu xanh đen đã cũ, lắp BKS 34B2 - 732.89 phần chắn bùn bánh xe trước có lắp một hộp nhựa bên trong có bóng đèn led được đấu với ác quy xe máy (xe không có giấy tờ) là xe của Đặng Quang Đ vì đây là phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội.

+ Đối với số tiền 3.000.000đ bán xe Wave Alpha màu trắng đen bạc, BKS: 37D1 - 722.00 cho anh Nguyễn Văn H quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã tiêu sài chung hết. Còn số tiền 2.700.000đ bán xe YAMAHA Sirius màu xanh đen, BKS: 36B5 - 660.57 cho chị Nguyễn Thị Q thì chỉ có mình bị cáo Trần Trọng D tiêu sài cá nhân mà không chia hoặc tiêu sài chung với Đặng Quang Đ. Do chị Q và anh H đã tự nguyện giao nộp tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này. Do đó xác định số tiền nói trên là do phạm tội mà có nên cần truy thu để sung quỹ Nhà Nước đối với các bị cáo cụ thể: Trần Trọng D 4.200.000đ và Đặng Quang Đ 1.500.000đ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 : "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Trọng D

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Quang Đ

- Tuyên bố: Cả hai bị cáo Trần Trọng D và Đặng Quang Đ đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử phạt:

+ Trần Trọng D 42 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Đặng Quang Đ 18 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà Nước 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha, màu xanh đen đã cũ, lắp BKS 34B2 - 732.89 phần chắn bùn bánh xe trước có lắp một hộp nhựa bên trong có bóng đèn led được đấu với ác quy xe máy (xe không có giấy tờ) là xe của Đặng Quang Đ vì đây là phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội.

+ Truy thu của bị cáo Trần Trọng D 4.200.000đ và Đặng Quang Đ 1.500.000đ.

- Án phí: Áp dụng các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc hai bị cáo Trần Trọng D và Đặng Quang Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh